

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

=====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - Tài sản ngắn hạn	100		36.636.472.488	44.466.532.705
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34.133.477.456	42.445.282.060
1. Tiền	111		1.583.477.456	1.395.282.060
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.550.000.000	41.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.245.752.331	1.884.286.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.231.572.000	1.262.622.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		371.963.391	426.990.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.387.870.064	1.240.327.285
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-745.653.124	-1.045.653.124
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		35.820.000	
1. Hàng tồn kho	141		35.820.000	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		221.422.701	136.964.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		201.195.182	116.736.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		20.227.519	20.227.519
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - Tài sản dài hạn	200		5.028.163.495	5.520.138.555
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		4.614.942.082	4.913.153.024

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.614.942.082	4.913.153.024
- Nguyên giá	222		12.299.156.063	12.182.098.063
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-7.684.213.981	-7.268.945.039
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		413.221.413	606.985.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		413.221.413	606.985.531
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		41.664.635.983	49.986.671.260
C - Nợ phải trả	300		9.549.895.561	14.565.049.171
I. Nợ ngắn hạn	310		9.505.813.891	14.520.967.501
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.328.174.000	1.654.957.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.141.400	4.226.423.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		132.255.918	1.883.102.562
4. Phải trả người lao động	314		170.400.000	1.923.162.038
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		426.225.000	252.225.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.650.001.150	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.409.569.070	1.789.068.088
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.379.047.353	2.792.028.913
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		44.081.670	44.081.670
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		44.081.670	44.081.670
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - Vốn chủ sở hữu	400		32.114.740.422	35.421.622.089
I. Vốn chủ sở hữu	410		31.842.456.999	35.149.338.666
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.158.932.415	13.566.087.962
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			21.525.756.704
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.626.030.584	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.626.030.584	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		57.494.000	57.494.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		272.283.423	272.283.423
1. Nguồn kinh phí	431		112.324.311	112.324.311
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		159.959.112	159.959.112
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		41.664.635.983	49.986.671.260

Tam Giang Tây, ngày 11 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Cảnh Nguyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đinh Văn Điền

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Ngọc Thảo



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Sáu tháng đầu năm 2017

Phần I - Lãi Lỗ

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Sáu tháng đầu năm		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.774.746.799	14.248.672.069	69.938.397.267	14.248.672.069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		13.774.746.799	14.248.672.069	69.938.397.267	14.248.672.069
4. Giá vốn hàng bán	11		7.376.095.796	8.776.842.871	38.968.433.691	8.776.842.871
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.398.651.003	5.471.829.198	30.969.963.576	5.471.829.198
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		591.139.467	134.802.622	1.908.171.920	134.802.622
7. Chi phí tài chính	22					
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.796.811.865	2.763.474.876	9.978.383.676	2.763.474.876
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4.192.978.605	2.843.156.944	22.899.751.820	2.843.156.944
11. Thu nhập khác	31		1.901.204.880	38.000.000	2.108.937.870	38.000.000
12. Chi phí khác	32		301.794.637	281.622.500	586.717.137	281.622.500
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.599.410.243	-243.622.500	1.522.220.733	-243.622.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.792.388.848	2.599.534.444	24.421.972.553	2.599.534.444
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.166.358.264	576.940.390	5.276.568.753	576.940.390
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.626.030.584	2.022.594.054	19.145.403.800	2.022.594.054
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Tam Giang Tây, ngày 11 tháng 02 năm 2017.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Cảnh Nguyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đinh Văn Điền



UBND TỈNH CÀ MAU

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

Mẫu số B02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Sáu tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	MS	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Luỹ kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	10	1.864.975.043	2.139.606.349	3.890.452.993	9.867.386.502	10.421.567.116	114.128.399
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	121.278.495	24.295.752	127.564.867	331.479.293	533.922.454	18.009.380
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12						
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13						
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14						
5. Thuế thu nhập DN	15	1.597.317.296	1.166.358.264	2.651.497.233	5.609.888.757	5.906.288.049	112.178.327
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	-18.127.519	451.657.093	451.657.093	1.149.058.812	1.147.298.813	-18.127.519
7. Thuế tài nguyên	17	164.506.771	493.295.240	655.733.800	2.768.959.640	2.826.057.800	2.068.211
8. Thuế nhà đất	18						
9. Tiền thuê đất	19						
10. Thuế bảo vệ môi trường	20		4.000.000	4.000.000	8.000.000	8.000.000	
11. Các loại thuế khác	21						
II. Khoản phải nộp khác	30	-2.100.000				153.366.503	-2.100.000
1. Các khoản phụ thu	31						
2. Các khoản phí, lệ phí	32						
3. Khoản phải nộp khác	33	-2.100.000				153.366.503	-2.100.000
Tổng cộng	40	1.862.875.043	2.139.606.349	3.890.452.993	9.867.386.502	10.574.933.619	112.028.399

Người lập biểu

Kế toán trưởng

VietSun

Dinh Văn Diên



Giám đốc

Trần Ngọc Thảo

Trang: 1

PHẦN III: THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI, THUẾ GTGT ĐƯỢC GIẢM, THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA

Sáu tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	MS	Kỳ này	Luỹ kế
I. Thuế GTGT được khấu trừ			
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10		99.949.294
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	88.751.653	286.654.410
3. Số thuế GTGT đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu trừ(12=13+14+15+16)	12	88.751.653	386.603.704
Trong đó:	06		
a/ Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	2.402.899	114.779.823
b/ Số thuế GTGT đã hoàn lại	14	86.348.754	271.823.881
c/ Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	15		
d/ Số thuế GTGT không được khấu trừ	16		
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ(17=10+11-12)	17		
II. Thuế GTGT được hoàn lại			
1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu kỳ	20		
2. Số thuế GTGT được hoàn lại phát sinh	21		
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22		
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ(23=20+21-22)	23		
III. Thuế GTGT được giảm			
1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu kỳ	30		
2. Số thuế GTGT còn được giảm phát sinh	31		
3. Số thuế GTGT được giảm	32		
4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ(33=30+31-32)	33		
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	121.278.495	220.452.541
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	26.698.651	446.259.116
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	2.402.899	114.779.823
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43		
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44		
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào ngân sách nhà nước	45	127.564.867	533.922.454
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ(46=40+41-42-43-44-45)	46	18.009.380	18.009.380

Tam Giang Tây, ngày 11 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Cảnh Nguyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đinh Văn Điền

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Ngọc Thảo

M.S.D.N.: 2000503134 - C. CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN H. NGỌC HIỂN - T. C. MAU

UBND TỈNH CÀ MAU

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

Mẫu số B03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Sáu tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.266.214.100	23.191.814.300
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-6.079.878.973	-5.084.351.157
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-4.812.002.281	-4.710.969.000
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-2.651.497.233	-150.000.000
6. Tiền thu khác từ các hoạt động kinh doanh	06		6.745.354.477	7.014.915.779
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-18.142.987.601	-8.673.888.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-10.674.797.511	11.587.521.221
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			-115.486.386
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.901.204.880	38.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận chia được	27		461.788.027	134.802.622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.362.992.907	57.316.236
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		-8.311.804.604	11.644.837.457
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.445.282.060	21.757.110.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		34.133.477.456	33.401.947.938

Người lập biểu

VietSun

Kế toán trưởng

Dinh Văn Diên

Giám đốc

Trần Ngọc Thạch

Trang: 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 308/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ký ngày 23 tháng 02 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.0000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 là: 35.091.844.666 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000503134 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp với các ngành nghề kinh doanh của

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Trồng, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Khai thác, chế biến lâm sản;
- Nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này phù hợp với ngành nghề đã đăng ký.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán quý được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Việc áp dụng tỷ giá khi chuyển đổi Báo cáo tài chính có tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp không (tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hay tỷ giá bình quân).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại ngày 31/03/2017 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền

Căn cứ xác định lãi suất thực tế (là lãi suất thị trường hay lãi suất ngân hàng thương mại hay lãi suất áp dụng đối với các khoản doanh nghiệp đi vay hoặc căn cứ khác);

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, phí ngân hàng.... Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc của các chứng khoán này lớn hơn giá trị thị trường của chúng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Căn cứ xác định khoản tổn thất không thu hồi được

Căn cứ lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc xác định công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác: dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

6. Nguyên tắc kê toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản thu phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ qyan3 lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- TSCĐ khác
- TSCĐ vô hình

Thời gian khấu hao ước tính

- 05 - 25 năm
- 05 - 10 năm
- 06 - 10 năm
- 03 - 08 năm
- 04 - 25 năm
- 02 - 05 năm

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản phải nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: Các khoản tạm thu ký quỹ lâm sản, chi phí lãi vay, được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Mức dự phòng bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận bằng 5% doanh thu của các công trình xây lắp đang trong thời gian bảo hành.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động đấu giá lâm sản được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng kinh tế đến khi thực hiện khai thác hoàn thành thì xuất hóa đơn ghi nhận doanh thu cuối kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo lợi nhuận sau thuế.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ được cung cấp.

19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm để điều chỉnh doanh thu (nếu có phát sinh).

20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không có chế độ giám, miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Nêu rõ các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác với mục đích giúp cho người sử dụng hiểu được là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được trình bày trên cơ sở tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

24. Số dư đầu quý

Số dư đầu quý căn cứ vào Báo cáo tài chính quý trước của Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	465.528.827	73.065.453
Tiền gửi ngân hàng	1.117.948.629 (a)	1.322.216.607
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	32.550.000.000 (b)	41.050.000.000
Cộng	34.133.477.456	42.445.282.060

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	1.082.335	1.111.597
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	20.772.014	2.770.964
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà Mau	1.036.661.386	1.310.832.498
- Ngân hàng Viettin Bank - CN Cà Mau	21.292.893	1.398.138
- Ngân hàng NN&PTNT - CN Cà Mau	887.927	975.227
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Cà Mau	1.008.584	1.285.745
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng - CN Cà Mau	25.348.944	1.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Cà Mau	8.864.651	1.714.056
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Cà Mau	1.029.895	1.128.382
- Ngân hàng TMCP TP HCM (HDBank)	1.000.000	-
Cộng	1.117.948.629	1.322.216.607

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	4.500.000.000	4.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	6.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà Mau	6.500.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng Viettin Bank - CN Cà Mau	4.550.000.000	6.550.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng SeaBank - CN Cà Mau	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP TPHCM (HDBank)	2.000.000.000	-
Cộng	32.550.000.000	41.050.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.231.572.000 (c)	1.262.622.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	371.963.391 (d)	426.990.391
Phải thu ngắn hạn khác	1.387.870.064 (e)	1.240.327.285
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(745.653.124) (f)	(1.045.653.124)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	2.245.752.331	1.884.286.552

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
* Phải thu của khách hàng	1.053.699.000	1.053.699.000
- Trần Thanh Hùng	1.053.699.000	1.053.699.000
* Hộ dân về khoán ruộng tôm	177.873.000	208.923.000
- Huỳnh Vũ Phong		1.050.000
- Lưu Tấn Lực	31.866.667	31.866.667
- Nguyễn Tiến Dũng	31.893.333	31.893.333
- Võ Minh Chơn	9.680.000	9.680.000
- Huỳnh Văn Hòa	395.500	395.500
- Nguyễn Văn Thống		20.000.000
- Trần Văn Nguyên	5.130.000	5.130.000
- Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	94.000.000
- Nguyễn Quốc Điền	2.450.000	2.450.000
- Đặng Quang Phúc	170.000	10.170.000
- Trương Trung Nghĩa	2.287.500	2.287.500
Cộng	1.231.572.000	1.262.622.000

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trần Thị Diễm	3.500.000	
- Phạm Thanh Bình	47.971.391	47.971.391
- Trần Ngọc Bé	90.000.000	90.000.000
- Phan Văn Đức	7.600.000	7.600.000
- Trung tâm thông tin TN&MT Cà Mau	63.000.000	63.000.000
- Lê Quốc Tạo	28.000.000	28.000.000
- UBND xã Tam Giang	50.000.000	50.000.000
- UBND xã Tam Giang Tây		60.000.000
- Lê Thanh Thuận	50.000.000	50.000.000
- Phạm Hòa Bình	30.419.000	30.419.000
- Trần Thanh Hoàng	1.473.000	
Cộng	371.963.391	426.990.391

(e) Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
* Phải thu khác	857.598.124	997.398.124
- Công ty TNHH MTV LN U Minh Hạ	453.900.000	703.698.124
- Phải thu về cổ phần hóa	403.698.124	293.700.000
- Phải thu khác		
* Phải thu của các cá nhân	218.554.440	172.529.161
- Nguyễn Hữu Huyền	35.666.000	35.666.000
- Mai Thanh Phùng	5.100.000	5.100.000
- Phạm Công Thức	13.330.000	13.330.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	8.088.889	7.600.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	10.572.222	11.238.889

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà M	25.934.392	35.533.333
- Ngân hàng Viettin Bank - CN Cà Mau	61.930.942	8.802.149
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	10.974.996	7.959.677
- Ngân hàng SeaBank - CN Cà Mau	4.166.666	4.569.891
- Ngân hàng TMCP Kiên Long	3.238.889	3.177.778
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	4.444.444	4.444.444
- Phí thi hành án Lưu Tấn Lực	1.200.000	1.200.000
- Phí thi hành án Trần Thanh Hùng	32.147.000	32.147.000
- Thuế TNCN đắp cống điều tiết nuôi tôm	1.760.000	1.760.000
Cộng	1.076.152.564	1.169.927.285
* Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lưu Tấn Hùng	35.000.000	20.000.000
- Nguyễn Quốc Văn	4.000.000	
- Võ Cao Tuấn	55.000.000	
- Võ Hữu Sang	2.000.000	
- Lê Việt Bắc	13.317.500	
- Hồ Quốc Quyền	5.000.000	
- Nguyễn Văn Sơn	5.000.000	
- Phan Minh Dương	3.000.000	
- Trần Thanh Hùng	15.000.000	5.000.000
- Phạm Minh Lý	25.400.000	25.400.000
- Lê Thanh Bình	2.000.000	
- Võ Quốc Biển	5.000.000	
- Lê Công Uẩn	60.000.000	
- Lữ Hồng Ri	9.000.000	9.000.000
- Nguyễn Nhật Tền		
- Huỳnh Trí Thức	25.000.000	
- Nguyễn Văn Đồng	5.000.000	11.000.000
- Phạm Ngọc Hưng	9.000.000	
- Nguyễn Minh Dương	30.000.000	
- Trần Trường Giang	4.000.000	
Cộng	311.717.500	70.400.000
Tổng cộng phải thu ngắn hạn	1.387.870.064	1.240.327.285
(f) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
* Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lưu Tấn Lực	167.440.000	167.440.000
- Nguyễn Tiến Dũng	31.866.667	31.866.667
- Võ Minh Chơn	31.893.333	31.893.333
- Nguyễn Tấn Vĩnh	9.680.000	9.680.000
* Phải thu khác	94.000.000	94.000.000
- Nguyễn Hữu Huyền	457.794.124	757.794.124
- Mai Thanh Phùng	35.666.000	35.666.000
- Phạm Công Thức	5.100.000	5.100.000
	13.330.000	13.330.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ	403.698.124	703.698.124
* Trả trước cho người bán	120.419.000	120.419.000
- Trần Ngọc Bé	90.000.000	90.000.000
- Phạm Hòa Bình	30.419.000	30.419.000
* Tổng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	745.653.124	1.045.653.124

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(j)	
Thành phẩm	(k)	
Cộng	-	-

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	201.195.182 (n)	116.736.574
Thuế GTGT được khấu trừ		
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	20.227.519 (o)	20.227.519
Cộng	221.422.701	136.964.093

(n) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ	50.379.307	116.736.574
- Chi phí mức mới vuông tôm + Cổng điều tiết	150.815.875	
Cộng	201.195.182	116.736.574

(o) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra nộp thừa		
- Thuế thu nhập cá nhân	18.127.519	18.127.519
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản phải nộp khác	2.100.000	2.100.000
Cộng	20.227.519	20.227.519

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	12.182.098.063	117.058.000	-	12.299.156.063
- Nhà cửa, vật kiến trúc	8.755.791.915			8.755.791.915
- Máy móc thiết bị				-
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.375.710.818			1.375.710.818
- Thiết bị quản lý	57.790.000			57.790.000
- Tài sản cố định khác	1.992.805.330	117.058.000	-	2.109.863.330
Hao mòn lũy kế	7.268.945.039	415.268.942	-	7.684.213.981
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.850.786.939	282.645.011	-	6.133.431.950
- Máy móc thiết bị			-	-
- PT vận tải, TB truyền dẫn	338.983.507	66.325.152	-	405.308.659
- Thiết bị quản lý	40.934.317	4.213.914		45.148.231

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Tài sản cố định khác	1.038.240.276	62.084.865	1.100.325.141
Giá trị còn lại	4.913.153.024		4.614.942.082
- Nhà cửa, vật kiến trúc	2.905.004.976		2.622.359.965
- Máy móc thiết bị	0		-
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.036.727.311		970.402.159
- Thiết bị quản lý	16.855.683		12.641.769
- Tài sản cố định khác	954.565.054		1.009.538.189

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: Không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

* Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Làm lộ giao thông nông thôn Tiểu khu 114	117.058.000
Cộng	117.058.000

6. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
- Chi phí mua sắm TSCĐ	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(n)	
Cộng	-	-

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Cộng	-	-

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	413.221.413 (o)	606.985.531
Cộng	413.221.413	606.985.531

(o) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí cải tạo ruộng tôm chờ phân bổ	213.093.510	379.439.757
- TSCĐ chuyển sang theo TT 45/2013/TT-BTC		
- Giá trị CCDC chờ phân bổ	200.127.903	227.545.774
Cộng	413.221.413	606.985.531

9. Phải trả người bán

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả cho người bán	1.328.174.000 (p)	1.654.957.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Cộng	1.328.174.000	1.654.957.000
(p) Chi tiết số dư phải trả người bán:		<u>Số tiền</u>
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ	1.053.699.000	1.053.699.000
- Võ Cao Tuấn	41.000.000	
- Trần Thanh Hoàng		
- Lê Công Uẩn	159.747.000	42.753.000
- Nguyễn Tấn Vĩnh		25.000.000
- Xưởng may cục hậu cần Quân khu 9		83.160.000
- Nguyễn Hữu Quý		33.000.000
- Nguyễn Việt Bắc		404.745.000
- Công ty CPTH đầu tư phát triển Đại Việt	10.000.000	
- Cty TNHH MTV hợp tác quảng cáo Hà Nội	5.500.000	
- Công ty TNHH DV-DL Nice Tourist	30.600.000	
- Lưu Tấn Hùng	27.628.000	
- Công ty TNHH tư vấn Thăng Long		4.400.000
- Nguyễn Văn Thao		8.200.000
Cộng	1.328.174.000	1.654.957.000
10. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT phải nộp	18.009.380	121.278.495
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.178.327	1.597.317.296
- Thuế tài nguyên	2.068.211	164.506.771
- Thuế tài nguyên (thủy sản)		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	132.255.918	1.883.102.562
11. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí phải trả	426.225.000 (o)	252.225.000
- Phải trả cho người lao động	170.400.000	
Cộng	596.625.000	252.225.000
(o) Chi tiết phải trả		<u>Số tiền</u>
- Chi phí kiểm toán		55.000.000
- Chi phí ăn chia lâm sản		71.000.000
- Chi phí thu hồi Lê Hoàng Vũ nộp ngân sách	300.000.000	
- Chi phí xây dựng phương án SDD	126.225.000	126.225.000
Cộng	426.225.000	252.225.000
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cho thuê tài sản	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện khác	4.650.001.150 (w)	
Cộng	4.650.001.150	-
(o) Chi tiết doanh thu chưa thực hiện		<u>Số tiền</u>
- Nguyễn Thanh Bình	500.000.000	

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Nguyễn Văn Thắm	900.000.000	
- Nguyễn Việt Bắc	800.001.150	
- Trần Văn Bạc	500.000.000	
- Nguyễn Thị Ngoan	1.100.000.000	
- Lê Phước Thân	400.000.000	
- Nguyễn Thị Tươi	450.000.000	
Cộng	4.650.001.150	-

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	32.339.695	10.822.716
- BHXH, BHYT, BHTN	3	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.264.881.000 (q)	1.665.897.000
- Phải trả khác	112.348.372 (t)	112.348.372
Cộng	1.409.569.070	1.789.068.088

(t) **Chi tiết số dư phải trả khác tại ngày 30/06/2016 như sau:**

* Người bán	Số tiền
- Công ty Lâm nghiệp 184	92.074.534
- Các nhà cung cấp khác	20.273.838
Cộng	112.348.372

(q) *** Nhận ký quỹ đầu giá lâm sản**

	Số tiền
- Nguyễn Thanh Bình	200.046.000
- Nguyễn Văn Thắm	262.878.000
- Nguyễn Việt Bắc	248.213.000
- Trần Văn Bạc	146.148.000
- Nguyễn Thị Ngoan	224.486.000
- Lê Phước Thân	53.110.000
- Nguyễn Văn Khải	130.000.000
Cộng	1.264.881.000

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay chương trình sinh thái	44.081.670	44.081.670
Cộng	44.081.670	44.081.670

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.566.087.962	13.592.844.453		27.158.932.415
Thặng dư vốn cổ phần				
Vốn khác của chủ sở hữu				
Chênh lệch đánh giá lại TS				
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
Quỹ đầu tư phát triển	21.525.756.704		21.525.756.704	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Quỹ khác thuộc vốn chủ SH			
LN sau thuế chưa phân phối	4.626.030.584		4.626.030.584
Nguồn vốn đầu tư XDCB	57.494.000		57.494.000
Cộng	35.149.338.666	0	31.842.456.999

16. Nguồn kinh phí

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	112.324.311	725.335.117
- Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	159.959.112	159.959.112
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	272.283.423	885.294.229

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu khai thác rừng	12.332.381.000	51.480.579.000
- Doanh thu vuông tôm QĐ	759.067.700	1.062.298.850
- Doanh thu khoán vuông	266.986.599	934.845.164
- Doanh thu cho thuê mặt bằng		34.545.454
- Doanh thu thương hiệu tôm sinh thái	416.311.500	548.451.000
- Doanh thu than		2.102.931.000
Cộng	13.774.746.799	56.163.650.468

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn lâm sản	6.900.412.581	29.719.769.080
- Giá vốn thủy sản	475.683.215	1.257.810.425
- Giá vốn than		614.758.390
Cộng	7.376.095.796	31.592.337.895

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	591.139.467	1.264.151.909
- Thu hoạt động tài chính khác		52.880.544
Cộng	591.139.467	1.317.032.453

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1.588.488.160	5.201.913.413
- Chi phí vật liệu quản lý		43.833.348
- Chi phí đồ dùng văn phòng	110.063.901	217.719.021
- Chi phí khấu hao TSCĐ	124.226.130	229.505.001
- Thuế, phí và lệ phí	264.164.331	167.558.591
- Chi phí dự phòng		94.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.687.438	418.752.615
- Chi phí bằng tiền khác	518.878.905	808.289.822
Cộng	2.822.508.865	7.181.571.811

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	300.000.000	108.010.263
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại		

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

- Các khoản thu bán hồ sơ đấu giá	3.000.000	72.450.000
- Các khoản thu khác	1.598.204.880	27.272.727
Cộng	1.901.204.880	207.732.990
6. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	301.794.637	284.922.500
Cộng	301.794.637	284.922.500
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	1.166.358.264	4.110.210.489
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.166.358.264	4.110.210.489
8. Phân phối lợi nhuận		
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</i>		
Lợi nhuận trước thuế năm nay		5.792.388.848
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)		39.402.476
- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn theo quy định		402.476
- Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN		39.000.000
Lợi nhuận chịu thuế năm nay		5.831.791.324
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)		1.166.358.264
Tổng lợi nhuận sau thuế		4.626.030.584
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính		
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành		
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi		

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có
- Thông tin về các bên liên quan:**

Các giao dịch với Ban lãnh đạo Công ty trong năm

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng Ban giám đốc		2.093.848.960
4. Thông tin so sánh		

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Chi nhánh

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

Địa chỉ: Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trình bày: VND

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Những thông tin khác

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,93	88,96
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,07	11,04
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	19,10	29,14
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	64,25	70,32
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	4,36	3,43
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,85	3,06
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,59	2,92
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	42,05	33,17
- Tỷ suất LN sau thuế trên doanh thu	%	79,86	25,85
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản	%	13,90	37,27
- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản	%	11,10	29,05
3.3 Tỷ suất LN sau thuế trên nguồn vốn CSH	%	14,53	41,31


Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập


Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng


Trần Ngọc Thảo
Giám đốc
Lập ngày 11 tháng 07 năm 2017

